

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành Quản lý Công nghệ Thông tin giảng dạy bằng tiếng Việt
Áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2022

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo
- + Tiếng Việt: Quản lý Công nghệ Thông tin
- + Tiếng Anh: Information Technology Management
- Mã ngành đào tạo: 8480204
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Chương trình đào tạo: Chương trình đơn ngành do Trường Đại học Quốc tế (ĐHQT) cấp 01 văn bằng.

- Phương thức đào tạo: Phương thức ứng dụng 1 (UD1)
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin
- + Tiếng Anh: Master of Information Technology Management
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- **Về kiến thức:** Bổ sung và nâng cao kiến thức về quản lý, quản trị hệ thống thông tin trên hệ thống nền tảng điện toán đám mây có sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong các ứng dụng thông minh, an ninh mạng. Đặc biệt là các kiến thức về phân tích, thiết kế và xây dựng các giải pháp cho tổ chức, doanh nghiệp.

- **Về kỹ năng:** Tăng cường kỹ năng quản lý, vận hành, phân tích so sánh, đánh giá, thiết kế và triển khai các hệ thống thông tin, các dịch vụ ứng dụng thông minh. Đề xuất giải pháp thích hợp, lập kế hoạch cho các dự án công nghệ thông tin (CNTT).

- **Về năng lực:** Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin có hiểu biết nền tảng về quản lý hệ thống thông tin và mạng máy tính, có năng lực phân tích thiết kế, xây dựng và quản trị các hệ thống thông tin, có khả năng làm trưởng nhóm, trưởng dự án hay trưởng phòng CNTT cho các tổ chức hay công ty lớn. Ngoài ra, sau khi nghiệp, họ có thể đảm nhận các vị trí phân tích chiến lược trong các dự án đầu tư CNTT cho tổ chức, cơ quan đơn vị công tác.

- **Về nghiên cứu:** Thạc sĩ Quản lý Công nghệ Thông tin có thể tiếp tục nghiên cứu theo các hướng: quản lý bảo mật hệ thống thông tin, thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, khai phá dữ liệu.

- Khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

- + Học viên tốt nghiệp có thể đóng vai trò là cán bộ quản lý kỹ thuật cấp cao, có khả

năng làm trưởng nhóm, trưởng dự án hay trưởng phòng CNTT cho các tổ chức, doanh nghiệp.

+ Học viên tốt nghiệp có năng lực lãnh đạo, tham gia, phối hợp hoặc quản lý các dự án về công nghệ thông tin trong các công ty tư nhân và cơ quan trong và ngoài nước.

+ Học viên tốt nghiệp có thể trở thành các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trong các trường đại học, các viện nghiên cứu hoặc khu vực công nghiệp.

+ Có khả năng tiếp tục học tập bậc tiến sĩ (trong và ngoài nước).

3. Nội dung chương trình đào tạo

a) Khái quát chương trình

Phương thức đào tạo	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ				Luận văn
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Đề án, chuyên đề nghiên cứu	
			Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn		
UD1	61	3	30	16	0	12

b) Danh mục các môn học

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG PHƯƠNG THỨC 1 (UD1)

TT	Mã môn học	Môn học	Khối lượng (số tín chỉ)			Học kỳ
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành / Thí nghiệm	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		3	3	0	
1	PE505	Triết (Philosophy)	3	3	0	1
II	KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC		30	24	6	
1	IT511	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data Structure Algorithm)	4	3	1	1
2	IT512	Cơ sở dữ liệu (Database)	4	3	1	
3	IT514	Lập trình hướng đối tượng (Object Oriented programming)	4	3	1	
4	IT542VN	Quản lý Hệ thống Thông tin (Information System Management)	4	3	1	
5	IT502VN	Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise data analysis and design)	4	3	1	

6	IT503VN	Công nghệ mới trong kỹ thuật lập trình (New techniques in programming)	2	2	0	1
7	PE501VN	Phương pháp luận NCKH (Research Methodology)	2	2	0	
8	PE502VN	Đạo đức nghề nghiệp (Professional Ethics)	2	2	0	
9	IT546VN	Chuyển đổi số và quản trị dữ liệu doanh nghiệp (Digital transformation and enterprise data management)	4	3	1	2
III	KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN (CHỌN 4 MÔN)		16	12	4	
1	IT501VN	Phân tích thiết kế và quản trị mạng máy tính (Computer network analysis, design and management)	4	3	1	2-3
2	IT543VN	Quản lý dự án CNTT (Information Technology Project Management)	4	3	1	
3	IT551VN	Phân tích, thiết kế, đánh giá và quản lý đầu tư dự án CNTT (Analysis, design, evaluation of IT Project Investment Management)	4	3	1	
4	IT521VN	Xu hướng kiến trúc phần mềm (Software Architecture Trends)	4	3	1	
5	IT522VN	Khai phá dữ liệu trong quản trị thông minh (Data mining in intelligent management)	4	3	1	
6	IT524VN	Công nghệ mới trong ứng dụng web và di động (New techniques in Web Application and Mobile)	4	3	1	
7	IT544VN	Quản trị rủi ro và bảo mật Công nghệ thông tin (IT Risk and Security Management)	4	3	1	
8	IT533VN	Xây dựng và vận hành internet vạn vật (Building and operating Internet of things)	4	3	1	

9	IT547VN	Chuyên đề 1 (Special study)	4	3	1	2-3
10	IT548VN	Chuyên đề 2 (Special study)	4	3	1	
IV	LUẬN VĂN THẠC SĨ		12			
1	IT561VN	Luận văn (Thesis)	12			4
Tổng cộng			61			

Nhà trường tổ chức môn tiếng Anh có khối lượng là 4 tín chỉ và không tính tích lũy tín chỉ.